

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **178/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **24/6/2020.**

V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trương Ngươn**

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Ngọc Ngân**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Nguyễn Văn Quý** - Kiểm sát viên

Trong ngày 24 tháng 06 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐST- HNGĐ ngày 01/06/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/06/2020 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **ĐỖ HOÀI C** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang.

2. Bị đơn: **PHẠM NGỌC H (D)** – sinh năm 1974;

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, Tiền Giang.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Đỗ Hoài C trình bày: chị và anh Phạm Ngọc H cưới nhau vào năm 2010, có sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị và anh H sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không chăm lo cho gia đình, thường xuyên uống rượu và chửi chị vô cớ. Đời

sống chung kéo dài đến đầu năm 2020 thì chị và anh H sống ly thân cho đến nay. Nay chị C yêu cầu xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: có 01 con chung tên Đỗ Phạm Hoài A - sinh ngày 05/02/2014. Hiện cháu A đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn anh Phạm Ngọc H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Đỗ Hoài C xin vắng mặt.

Bị đơn anh Phạm Ngọc H vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Hoài C. Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Hoài C và anh Phạm Ngọc H; về con chung: giao cho chị C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Hoài A - sinh ngày 05/02/2014 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi lao động được, anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là 745.000 đồng; về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn chị Đỗ Hoài C có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị C.

[2] Xét bị đơn anh Phạm Ngọc H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Hoài C là không có cơ sở. Vì chị Đỗ Hoài C và anh Phạm Ngọc H cưới nhau vào năm 2010, được sự tự nguyện, không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống giữa chị C và anh H từ năm 2010 cho đến nay mà chị C, anh H cũng không đăng ký kết hôn nên mối quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh H không được

pháp luật công nhận là vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C, mà cần tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh H là phù hợp với khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Hoài A - sinh ngày 05/02/2014. Xét yêu cầu này của chị C phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: chị C yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này là có cơ sở vì theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nhưng chị C và anh H không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh H và nhu cầu thiết yếu của cháu A, đồng thời theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng mỗi tháng không quá $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 745.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A là 745.000 đồng/tháng là phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung: không có.

[7] Về nợ chung: không có

[8] Về án phí: do chị C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn chị Đỗ Hoài C.

Tuyên bố chị Đỗ Hoài C và anh Phạm Ngọc H không phải là vợ chồng.

- Về con chung: giao cho chị Đỗ Hoài C được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Phạm Hoài A - sinh ngày 05/02/2014 cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Phạm Ngọc H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng là **745.000** đồng

(bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Phạm Ngọc H được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Đỗ Hoài C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu số 0016460 ngày 07/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị C đã nộp xong án phí.

Anh Phạm Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh